

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 411/2024/DS-PT

Ngày: 08/8/2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng
dịch vụ".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Bà Nguyễn Ái Đoan

- **Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 319/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phan Thị N, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, Tiền Giang

Bị đơn: ông Đoàn Hữu V, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: I ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị Bích L, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: 12.23 chung cư F, phường P, TP., TP.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày: Bà có khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Bà tình cờ có gặp ông Đoàn Hữu V, ông V tự xưng là luật sư để ông nhận ủy quyền và

bảo vệ quyền lợi cho bà tại tòa án. Vì tin tưởng ông V là luật sư nên bà và ông V đã làm hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 21/10/2022. Hai bên có làm hợp đồng nhưng không có công chứng. Sau khi ký hợp đồng bà đã giao cho ông V số tiền 40.000.000 đồng theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Sau đó ông V có yêu cầu bà giao thêm số tiền 90.000.000 đồng. Bà có giao cho ông V số tiền 90.000.000 đồng nhưng không có làm biên bản giao nhận tiền. Khi giao tiền có ông Nguyễn Văn T chứng kiến. Sau này bà mới biết ông V không phải là luật sư, ông V nhận tiền nhưng không làm tròn nhiệm vụ. Ông V lập hợp đồng là để lừa gạt bà, nhiều lần bà liên lạc yêu cầu ông V trả lại tiền nhưng ông V không hợp tác và lánh mặt.

Nay bà yêu cầu ông V trả cho bà số tiền 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Hữu V là bà Lê Thị Bích L trình bày: Ngày 21/10/2022, ông V và bà N có ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý đồng thời ký giấy ủy quyền cho ông V làm người đại diện theo ủy quyền cho bà N và ông Nguyễn Văn S trong vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M và bị đơn là ông Nguyễn Văn S (chồng của bà N). Phí dịch vụ là 40.000.000 đồng. Ông V có nhận của bà N số tiền 40.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng cho bà N và ông S. Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, ông V đã hoàn thành vai trò là người đại diện ủy quyền đúng với hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ông V chỉ có nhận của bà N 40.000.000 đồng theo hợp đồng, không có nhận số tiền 90.000.000 đồng mà bà N khai đưa cho ông V sau đó.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông V không đồng ý trả lại số tiền 130.000.000 đồng cho bà N.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn T trình bày: Lúc 14 giờ ngày 01/10/2023, tại quán C số 186 quốc lộ E xã M, TP., ông có thấy bà Phan Thị N có đưa cho ông Đoàn Hữu V số tiền 90.000.000 đồng nhưng ông V không có đưa biên nhận cho bà N. Việc bà N đưa cho ông V số tiền 90.000.000 đồng trước mặt ông là đúng sự thật vì cùng lúc đó ông cũng đưa cho ông V số tiền 20.000.000 đồng để ông V đại diện ông tham gia tố tụng ở tòa.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 428, Điều 513 của Bộ luật Dân sự. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Chấm dứt Hợp đồng dân sự về việc thực hiện dịch vụ pháp lý ngày 21/10/2022 giữa bà Phan Thị N với ông Đoàn Hữu V.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi ông Đoàn Hữu V trả số tiền 40.000.000 đồng của bà Phan Thị N; nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N về việc đòi ông Đoàn Hữu V trả số tiền 90.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn bà Phan Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị N kháng cáo yêu cầu ông Đoàn Hữu V trả số tiền là 90.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N. Tuy nhiên bản án sơ thẩm ghi phần về việc “Giao dịch dân sự” nhưng phần thụ lý ghi “Hợp đồng dịch vụ” là chưa phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng nhưng phần quyết định của bản án không áp dụng điều luật để đình chỉ là thiếu sót, ngoài ra án sơ thẩm không áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tính án phí là thiếu sót. Tuy nhiên xét thấy những thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi nội dung vụ án, vì vậy không cần phải sửa án sơ thẩm mà cấp phúc thẩm chỉ cần bổ sung những thiếu sót trên cho phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên án sơ thẩm và bổ sung những thiếu sót của án sơ thẩm như nhận định trên.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị N, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Phần trích yếu của án sơ thẩm xác định tranh chấp “Giao dịch dân sự” nhưng phần đầu của án sơ thẩm lại ghi “... vụ án thụ lý số 353/2023/TLST-DS ngày 27/10/2023 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ”. Xét thấy đây là hai quan hệ dân sự được quy định tại hai chương khác nhau của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên án sơ thẩm căn cứ vào điều 513 Bộ luật dân sự để giải quyết là có căn cứ và phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Phan Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Đoàn Hữu V trả số tiền 40.000.000đồng, tòa án cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N theo điểm c khoản 1 điều 217 và khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và nhận định bà N được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điều luật để đình chỉ đối với việc rút yêu cầu trên của đương sự là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 21/11/2022, ông Đoàn Hữu V và bà Phan Thị N thống nhất ký “Hợp đồng dân sự v/v thực hiện dịch vụ pháp lý” với nội dung hợp đồng là: ông V thực hiện dịch vụ pháp lý đồng thời tham gia tố tụng, tham gia hòa giải, giải quyết khiếu nại cho bà N tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, Công an xã T, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng nhân dân huyện T, Hội đồng nhân dân tỉnh T và Ủy ban nhân dân các cấp, các cá nhân có liên quan để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bà N do pháp luật quy định trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện theo luật định và thẩm quyền các cấp. Giá trị hợp đồng là 40.000.000đồng.

Theo bà N trình bày, bà là người có liên quan trong vụ án tranh chấp thừa kế giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M với bị đơn là ông Nguyễn Văn S (chồng bà N), do ông V tự xưng ông là luật sư nên bà tin tưởng đã ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông V để ông bảo vệ quyền lợi cho bà tại Tòa án. Sau khi ký hợp đồng, bà đã giao đủ cho ông V số tiền 40.000.000đồng theo như thỏa thuận trong hợp đồng, sau đó ông V yêu cầu bà đưa thêm số tiền là 90.000.000đồng, bà đã đưa cho ông V nhưng không có làm biên nhận. sau này bà mới biết ông V không phải là luật sư, ông V nhận tiền của bà nhưng không làm tròn trách nhiệm. Tại phiên tòa sơ thẩm bà N yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ với ông V, yêu cầu ông V trả lại cho bà số tiền 90.000.000đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc đòi ông Đoàn Hữu V trả

số tiền 90.000.000đồng. Bà N không đồng ý với quyết định án sơ thẩm nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng “Thực hiện dịch vụ pháp lý” ngày 21/10/2022 được ký kết giữa ông Đoàn Hữu V với bà Phan Thị N tuy không được công chứng, chứng thực nhưng nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội các bên tham gia ký hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, việc bà N cho rằng ông V tự xưng là luật sư để bà tin tưởng ủy quyền và bảo vệ cho bà tại Tòa án, ông V có hành vi lừa dối bà khi ký hợp đồng nhưng bà N không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh là ông V đã lừa dối trong việc giao kết hợp đồng. Xét lời trình bày này của bà N là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà N là yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông V, bà N cho rằng ông V đã không làm tròn trách nhiệm nên ông V phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền đã nhận. Nhận thấy, tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của bà N, bà L là người đại diện theo ủy quyền của ông V, ông V ký hợp đồng thực hiện dịch vụ pháp lý với bà N là nhằm thực hiện nhiệm vụ của người được ủy quyền của bà N và ông S tham gia tố tụng tại Tòa án trong vụ án tranh chấp thừa kế với bà Nguyễn Thị M và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/01/2023 ông V đã có mặt theo ủy quyền, việc tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm không phải lỗi do ông V. Tại phiên tòa sơ thẩm bà L trình bày ông V vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng làm người đại diện cho bà N và ông S nhưng bà N yêu cầu chấm dứt hợp đồng và không yêu cầu ông V trả lại số tiền 40.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bà N và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lại số tiền 40.000.000đồng của bà N là có căn cứ và phù hợp.

Xét yêu cầu của bà N yêu cầu ông V trả số tiền 90.000.000đồng mà bà cho rằng bà đã đưa ông V vào ngày 01/10/2023 nhưng ông V không thừa nhận, bà N không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình ngoài lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn T. Ông T cho rằng ông có chứng kiến việc bà N đưa cho ông V số tiền 90.000.000đồng nhưng không có làm biên nhận. Tuy nhiên theo tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án, ông T là một trong ba người (ông T, bà N, bà H) có đơn tố giác ông Đoàn Hữu V gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M vì vậy lời khai của ông T không đảm bảo tính khách quan nên không xem là chứng cứ có giá trị pháp lý, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà N là có căn cứ và phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà **N** là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là hoàn toàn phù hợp, tuy nhiên Tòa án lại không căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để làm căn cứ tính án phí là thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật khi giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Bà **Phan Thị N** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308, khoản 2 điều 244, điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 428, điều 513, điều 520 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Phan Thị N**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Phan Thị N** về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng dân sự về việc thực hiện dịch vụ pháp lý ngày 21/10/2022 giữa bà **Phan Thị N** với ông **Đoàn Hữu V**.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà **Phan Thị N** yêu cầu ông **Đoàn Hữu V** trả số tiền là 40.000.000đồng. Bà **N** được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phan Thị N** yêu cầu ông **Đoàn Hữu V** trả số tiền 90.000.000đồng.

5. Về án phí: Bà **Phan Thị N** phải chịu 4.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà **N** đã nộp 3.550.000đồng

tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024492 ngày 27/10/2023 và biên lai thu số 0006007 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, bà N còn phải nộp tiếp số tiền là 1.250.000đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền

Giang;

- Chi cục THADS TP Mỹ Tho, Tiền

Giang;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh